

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 761/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp N, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp N, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 19/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Việt D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2009, đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 263, quyển số 02/2009 ngày 11/12/2009. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì bà và ông D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, ông D không quan tâm chăm sóc vợ con làm gia đình không hạnh phúc. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, bà và ông D không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà về nhà mẹ ruột sống và đã ly thân với ông D nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Việt D.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Giáng M, sinh ngày 13/3/2012. Hiện nay, trẻ M đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thúy A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh (bản sao), căn cước công dân của bà A, ông D và trẻ M (bản sao).

Ông Nguyễn Việt D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Nguyễn Việt D có mặt.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Việt D trình bày: Ông không đồng ý ly hôn vì con chung còn nhỏ, ông chỉ đồng ý ly hôn khi nào con chung đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Việt D và yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Giáng M, sinh ngày 13/3/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Việt D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 263, quyển số 02/2009 ngày 11/12/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy A xin ly hôn với ông Nguyễn Việt D là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà A thì mâu thuẫn giữa bà và ông D là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình không hạnh phúc, bà và ông D không còn sống chung với nhau. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà A và ông D không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét lời trình bày của ông Nguyễn Việt D không đồng ý ly hôn vì con chung còn nhỏ, ông chỉ đồng ý ly hôn khi nào con chung đủ 18 tuổi là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Giáng M, sinh ngày 13/3/2012. Hiện nay, trẻ M đang sống chung với bà A và tại bản tự khai ngày 08/5/2024 trẻ M có nguyện vọng được sống với bà A nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông Nguyễn Việt D không có yêu cầu gì về tài sản và nghĩa vụ dân sự nên ông D có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với ông Nguyễn Việt D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 263, quyền số 02/2009 ngày 11/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Việt D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Giáng M, sinh ngày 13/3/2012 cho bà Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

Nếu ông Nguyễn Việt D có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019686 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Thanh Thà